

Tiết 89: LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức về các dấu hiệu chia hết.

2. Kỹ năng

- Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.

3. Thái độ

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

4. Góp phần phát triển các NL:

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: bảng phụ

- HS: sách, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5p) - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. HĐ thực hành (30p) * Mục tiêu: Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản. * Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp	
Bài 1: - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần) - GV chốt đáp án. - Củng cố cách xác định các số chia hết cho 2, 5, 3, 9	Cá nhân – Chia sẻ lớp - Thực hiện theo yêu cầu của GV. Đ/a: a) Các số chia hết cho 2 là: 4568; 2050; 35766. b) Các số chia hết cho 3 là: 2229; 35766. c) Các số chia hết cho 5 là: 7435 ; 2050. d) Các số chia hết cho 9 là: 35766. - Thực hiện theo yêu cầu của GV. - YC HS làm bài theo cặp.
Bài 2: - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)	Đ/a: a) Các số chia hết cho 2 và 5: 64 620; 5270 b) Các số chia hết cho 3 và 2: 64 620;

- GV chốt đáp án.

- Cùng cố cách xác định các số chia hết cho cả 2 và 5; cả 3 và 2; cả 2,3,5,9

* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 về dấu hiệu nhận biết các số chia hết.

Bài 3:

- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.

- GV phát bảng nhóm cho 6 nhóm, sau đó mời 3 nhóm xong trước lên treo, các nhóm còn lại GV thu và mời nhận xét chéo.

- Cùng cố lại các dấu hiệu chia hết

Bài 4+ Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

- GV chữa, chốt cách làm

3. HD ứng dụng (1p)

4. HD sáng tạo (1p)

57 234.

c) Các số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là:
64 620

- Thực hiện theo yêu cầu của GV.

Đ/a:

a. 528 , 558, 588 chia hết cho 3

b. 603, 693 chia hết cho 9

c. 240 chia hết chỉ 3 và 5.

d. 354 chia hết cho 2 và 3.

- HS làm bài vào vở Tự học – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp

Bài 4:

a) $2253 + 4315 - 173 = 6568 - 173$
 $= 6395$

(6395 chia hết cho 5)

b) $6438 - 2325 \times 2 = 6438 - 4650$
 $= 1788$

(1788 chia hết cho 2.)

c) $480 - 120 : 4 = 480 - 30 = 450$
(450 chia hết cho cả 2 và 5)

d) $63 + 24 \times 3 = 63 + 72 = 135$
(135 chia hết cho 5)

Bài 5: Giải

Vì số học sinh ít hơn 35 và nhiều hơn 20. Mà xếp 5 hàng đều không thừa không thiếu nên số học sinh có thể là: 25 hoặc 30. Số HS xếp thành 3 hàng cũng vừa đủ nên đó là số chia hết cho 3. Vậy số HS là 30 học sinh

- Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết và vận dụng

- Tìm các bài tập về dấu hiệu chia hết trong sách Toán buổi 2 và giải.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....
.....

TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 6)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Giúp HS ôn tập về cách lập dàn ý cho bài văn miêu tả đồ vật và cách viết mở bài theo kiểu gián tiếp và kết bài theo kiểu mở rộng

2. Kỹ năng

- Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở Tiết 1.

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2).

3. Thái độ

- HS tích cực, tự giác ôn bài.

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

- HS: SGK, Bút, vở

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (5p) - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành: (27p) * Mục tiêu: - Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở Tiết 1. - Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2). * Cách tiến hành:	
Bài 1: Ôn luyện và học thuộc lòng: - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc: - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS. Bài 2: Cho đề bài tập làm văn: “ Tả một	- HS đọc yêu cầu bài tập. - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc. - Đọc và trả lời câu hỏi. - Theo dõi và nhận xét.

<p>đồ dùng học tập của em”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu trong SGK. <p>a) - GV hướng dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đây là bài văn miêu tả đồ vật. + Hãy quan sát thật kỹ 1 đồ dùng học tập của em, tìm những đặc điểm riêng mà không thể lẫn với đồ vật khác của bạn. + Không nên tả quá chi tiết rườm rà. <p>- GV chốt lại dàn ý chuẩn của bài</p> <p>b. YC HS tự viết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> + MB gián tiếp là như thế nào? + KB mở rộng là như thế nào? <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS biết bài - Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS. <p>3. HD ứng dụng (1p)</p> <p>4. HD sáng tạo (1p)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo yêu cầu của GV. - Làm cá nhân - Chia sẻ dàn ý trước lớp <ul style="list-style-type: none"> + MB nói 1 ý khác có liên quan để dẫn vào đồ vật định tả + Nói được tình cảm, thái độ, công dụng của đồ vật <p>- HS viết cá nhân – Chia sẻ lớp. VD:</p> <p>Mở bài: Có một người bạn luôn bên em mỗi ngày, luôn chứng kiến những buồn vui trong học tập của em, đó là chiếc bút máy màu xanh. Đây là món quà em được bố tặng cho khi vào năm học mới.</p> <p>Kết bài: Em luôn giữ gìn cây bút cẩn thận, không bao giờ bỏ quên hay quên đây nắp. Em luôn cảm thấy có bố em ở bên mình, động viên em học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết hoàn chỉnh phần MB và KB - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả đồ vật
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

GIÓ BÃO? (T2)

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật

2. Kỹ năng

- Tự thực hành để biết được vai trò của không khí với con người; quan sát, làm thí nghiệm để biết vai trò của không khí với động vật, thực vật

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

* **BVMT:** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Hình SGK trang 72, 73

+ Suu tầm các hình ảnh về người bệnh thở bằng ô- xi

+ Hình ảnh hoặc dụng cụ để bơm không khí vào bể cá.

- HS: Sách giáo khoa, bút,...

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của của học sinh
1. Khởi động (4p) + <i>Không khí có vai trò như thế nào đối với sự cháy?</i> + <i>Để duy trì sự cháy, ta làm thế nào?</i>	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + <i>Ô-xi cần cho sự cháy, càng có nhiều ô-xi thì sự cháy sẽ tiếp diễn lâu hơn. Ni-tơ không duy trì sự cháy nhưng nó giúp cho sự cháy không diễn ra quá mạnh, quá nhanh</i> + <i>Cần liên tục cung cấp ô-xi</i>
2. Bài mới: * Mục tiêu: Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp	
HD1: Vai trò của không khí đối với con người. + GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn mục Thực hành SGK trang 72 và phát biểu nhận xét. + <i>Để tay trước mũi, thở ra và hít vào, bạn có nhận xét gì?</i> + <i>Lấy tay bịt mũi và ngậm miệng lại,</i>	- Thực hành cá nhân và nêu nhận xét, cảm nhận của mình + <i>Nhận thấy có luồng không khí ấm chạm vào tay khi thở ra.</i> + <i>Cảm thấy khó chịu...</i>

bạn cảm thấy như thế nào?

+ *Qua thí nghiệm và hiểu biết thực tế em hãy nêu vai trò của không khí đối với đời sống con người?*

- ***GV chốt vai trò của không khí với con người***

HD2: Vai trò của không khí đối với thực vật và động vật:

- GV yêu cầu HS quan sát hình 3, 4 và trả lời câu hỏi.

+ *Tại sao sâu bọ và cây trong bình bị chết?*

**** Từ xưa các nhà bác học đã làm thí nghiệm: Nhốt một con chuột bạch vào trong một chiếc bình thủy tinh kín, có đủ thức ăn và nước uống . Khi nó thở hết ô- xi trong bình thủy tinh thì nó bị chết mặc dù thức ăn và nước uống vẫn còn.**

+ *Tại sao ta không nên để nhiều hoa tươi và cây cảnh trong phòng ngủ đóng kín cửa?*

+ *Nêu vai trò của không khí đối với động vật và thực vật?*

- ***GV chốt vai trò của không khí với con người***

HD3: Một số trường hợp phải dùng bình ô- xi:

+ GV yêu cầu HS quan sát hình 5, 6 trang 73 SGK theo cặp.

+ *Dụng cụ giúp người thợ lặn lâu dưới nước và dụng cụ giúp cho nước trong bể cá có không khí hoà tan?*

- GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi.

+ *Nêu ví dụ chứng tỏ không khí cần cho sự sống của người, động vật và thực vật?*

+ *Thành phần nào trong không khí là quan trọng nhất đối với sự thở?*

+ *Trong trường hợp nào người ta phải thở bằng bình ô- xi?*

KL: Người, động vật, thực vật muốn sống được cần ô- xi để thở.

3. HD ứng dụng (1p)

+ *Con người cần không khí để thở, con người có thể nhịn ăn, nhịn uống vài ngày nhưng không thể nhịn thở trong một phút.*

Nhóm 2 – Chia sẻ lớp

- HS quan sát hình 3, 4.

+ *Vì trong bình kín không có không khí nên sâu bọ và cây bị chết.*

- Lắng nghe

+ *Vì cây hô hấp thải ra khí các- bô- níc, hút khí ô- xi, làm ảnh hưởng đến sự hô hấp của con người.*

+ *Động vật và thực vật cần không khí để sống.*

Nhóm 2 – Chia sẻ lớp

- HS quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK.

+ *Bình ô- xi người thợ lặn đeo ở lưng*

+ *Máy bơm không khí vào nước.*

+ *Ví dụ: Nhịn thở trong trong một phút.....*

+ *Khí ô- xi.*

+ *Những người thợ lặn, thợ làm việc trong hầm lò, người bị bệnh nặng cần.*

* GD bảo vệ môi trường: Con người cần không khí để thở. Vì vậy, để đảm bảo cho sức khỏe thì không khí phải như thế nào? Cần làm gì để giữ bầu không khí trong sạch

4. HĐ sáng tạo (1p)

+ Không khí phải trong sạch.

- HS nêu các biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch.

- Tìm các VD khác chứng tỏ không khí cần cho sự sống

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....
.....
.....

Thứ sáu ngày 4 tháng 1 năm 2019

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 7)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kiểm tra đọc theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD&ĐT- Đề KT học kì cấp TH, lớp 4, tập 1, Nhà xuất bản Giáo Dục 2008).

2. Kỹ năng

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc; trả lời được câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

- Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài..

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:

- HS: Vở BT, bút, ..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1. Gọi HS đọc bài văn Về thăm bà

2. HS làm vào VBT, GV hướng dẫn HS tự chữa và chấm bài, chốt KT cho các em

Bài đọc thêm

Về thăm bà (SGK Tiếng Việt 4/ 176)

1. Những chi tiết liệt kê dòng nào cho thấy bà của Thanh đã già?

a. Tóc bạc phơ, miệng nhai trầu, đôi mắt hiền từ.

b. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, đôi mắt hiền từ.

c. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, lưng đã còng.

Đáp án: C

2. Tập hợp nào dưới đây liệt kê đầy đủ các chi tiết nói lên tình cảm của bà đối với Thanh?

- a. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, giục cháu vào nhà cho khỏi nắng, giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi.
- b. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương.
- c. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, che chở.

Đáp án: A

3. Thanh có cảm giác như thế nào khi trở về ngôi nhà của bà?

- a. Có cảm giác thông thả, bình yên.
- b. Có cảm giác được bà che chở.
- c. Có cảm giác thông thả, bình yên, được bà che chở.

Đáp án: C

4. Vì sao Thanh cảm thấy như chính bà che chở cho mình?

- a. Vì Thanh luôn yêu mến, tin cậy bà.
- b. Vì Thanh là khách của bà, được bà chăm sóc, yêu thương.
- c. Vì Thanh sống với bà từ nhỏ, luôn yêu mến, tin cậy bà và được bà săn sóc, yêu thương.

Đáp án: C

5. Tìm trong truyện **Về thăm bà** từ cùng nghĩa với từ **hiền**.

- A. Hiền hậu, hiền lành.
- B. Hiền từ, hiền lành,
- C. Hiền từ, âu yếm.

Đáp án: B

6. Câu **Lần** nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. có mấy động từ, mấy tính từ?

a. Một động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

b. Hai động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

c. Hai động từ, một tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

Đáp án: C. Hai động từ: trở về, thấy. 2 tính từ: thông thả, bình yên

=> **Chốt cách xác định DT, TT trong câu**

7. Câu: **Cháu đã về đây ư?** được dùng làm gì?

- A. Dùng để hỏi.
- B. Dùng để yêu cầu, đề nghị.
- C. Dùng thay lời chào.

Đáp án: C

=> **Chốt cách dùng câu hỏi với mục đích khác. HS lấy VD thêm**

4. Trong câu **Sự yên lặng** làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ, bộ phận nào là chủ ngữ?

- a. Thanh
- b. Sự yên lặng
- c. Sự yên lặng làm Thanh

Đáp án: B

3. HD ứng dụng (1p)

- Hoàn thành đáp án bài đọc hiểu

4. HD sáng tạo (1p)

- Tự làm cá nhân một số bài đọc hiểu khác trong sách tham khảo

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

TOÁN

Tiết 50: KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I
(Đề kiểm tra tham khảo)

I. MỤC TIÊU: Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau:

- Đọc, viết, so sánh số tự nhiên hàng, lớp.
- Thực hiện phép cộng, trừ các số đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp; nhân với số có hai, ba chữ số; chia số có đến năm chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).
- Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
- Chuyển đổi thực hiện phép tính với số đo khối lượng, số đo diện tích đã học.
- Nhận biết góc vuông, góc nhọn, góc tù, hai đường thẳng song song, vuông góc.
- Giải bài toán có đến 3 bước tính trong đó có các bài toán: Tìm số trung bình cộng;
- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Đề KT cho HS
- HS: Vở BT, bút,

Trường
Lớp : 4
Họ và tên :

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Năm học: 2017- 2018
Môn : Toán - Lớp 4
Thời gian: 40 phút

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét của giáo viên</u>

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Câu 1: (0.5 đ) Năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm được viết là:

- A. 5 072 060 B. 5 072 600
C. 5 702 600 D. 5 027 600

Câu 2: (0.5 đ) Chữ số 7 trong số 587964 thuộc hàng nào?

- A. Hàng trăm B. Hàng chục
-
-

C. Hàng nghìn

D. Hàng đơn vị

Câu 3: (0,5đ) Số lớn nhất trong các số : 139798 ; 139767 ; 139789; 139769 là :

A. 139798

B. 139767

C. 139789

D. 139769

Câu 4: (0.5 đ) Số trung bình cộng của 452 ; 623 và 575 là?

A. 467

B. 568

C. 650

D. 550

Câu 5: (0.5đ) $2 \text{ m}^2 56 \text{ dm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

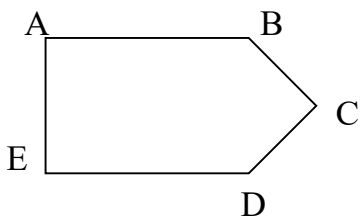
A. 256

B. 2056

C. 20056

D. 265

Câu 6: (0.5 đ) Hình ABCD bên có :



A. Một cặp cạnh song song. Ba góc vuông.

B. Hai cặp cạnh song song. Ba góc vuông.

C. Hai cặp cạnh song song. Hai góc vuông.

D. Một cặp cạnh song song. Hai góc vuông

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1: (2 đ) Đặt tính rồi tính:

$$236\ 105 + 82\ 993$$

$$935\ 807 - 52853$$

$$365 \times 103$$

$$11\ 890 : 58$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: (2 đ) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $345 \times 17 + 345 \times 83$

b) $2145 \times 125 - 2145 \times 25$

.....

.....

.....

.....

.....
.....

Câu 2: (1,5 đ) Một bếp ăn có 45 bao gạo, mỗi bao đựng 50 kg gạo. Bếp ăn đã dùng hết 15 bao gạo. Hỏi bếp ăn đó còn lại bao nhiêu tạ gạo ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3 (1,5đ) Một sân bóng đá hình chữ nhật có chu vi 346 m , chiều rộng kém chiều dài 37 m . Tính diện tích của sân bóng đá ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....
.....
.....

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 8)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kiểm tra (viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng giữa HKI:
 - + Nghe - viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi
 - + Viết được bài văn miêu tả một đồ dùng học tập của em.

2. Kỹ năng

- Kỹ năng viết, kỹ năng làm bài KT

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác và trung thực khi làm bài.
-